

Số: **23** /2019/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **16** tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định trách nhiệm quản lý nhà nước
về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 68/TTr-SKHCN ngày 13 tháng 11 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng (NLN)
Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Lưu VT. NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy



QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng
sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Yên Bái**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **23** /2019/QĐ-UBND
ngày **16** tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa các sở, ban, ngành có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trong công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Những nội dung không nêu tại quy định này được thực hiện theo Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành theo phân cấp quản lý chuyên ngành có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá (sau đây gọi chung là Sở quản lý chuyên ngành).

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Chất lượng sản phẩm, hàng hoá được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Căn cứ vào khả năng gây mất an toàn, sản phẩm, hàng hoá được quản lý như sau:

a) Sản phẩm, hàng hóa trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, không gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường (sản phẩm, hàng hoá nhóm 1) được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng.

b) Sản phẩm, hàng hóa trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường (sản phẩm, hàng hoá nhóm 2) được quản lý chất lượng trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng.

2. Quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm thực hiện các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

3. Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá là trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, nhằm bảo đảm an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường; nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá.

4. Hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá phải đảm bảo tính minh bạch, khách quan, không phân biệt đối xử về xuất xứ hàng hoá và tổ chức, cá nhân đang hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá, phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng.

Điều 4. Nội dung quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh

1. Nghiên cứu xây dựng, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch quản lý về chất lượng sản phẩm, hàng hoá dài hạn, 5 năm và hằng năm.

2. Nghiên cứu ban hành các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá; các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

3. Xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương để áp dụng trong phạm vi quản lý của tỉnh đối với sản phẩm, hàng hoá phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, thủy văn, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Hướng dẫn việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn quốc tế, hướng dẫn việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm, hàng hoá.

5. Quản lý các hoạt động công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, các tổ chức đánh giá phù hợp và cung cấp dịch vụ đánh giá phù hợp; bao gồm: Thử nghiệm, hiệu chuẩn, kiểm định, chứng nhận, giám định tại địa phương theo phân cấp của nhà nước.

6. Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

7. Tổ chức nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

8. Ban hành các văn bản, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh; cung cấp thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hoá cho tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng.

9. Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Nội dung kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của chính phủ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh.

3. Các Sở quản lý chuyên ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo chuyên ngành.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong phạm vi địa phương.

Chương II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 7. Sở Y tế có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

1. An toàn thực phẩm đối với nước uống đóng chai; nước khoáng thiên nhiên; nước đá dùng liền; nước đá dùng để chế biến thực phẩm; thực phẩm chức năng; các vi chất bổ sung vào thực phẩm; phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (trừ dụng cụ vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thuộc quyền quản lý của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; nước sinh hoạt.

2. Thuốc, nguyên liệu làm thuốc, vắc xin, sinh phẩm điều trị, mỹ phẩm.

3. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

4. Hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng, y tế.

5. Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Trang thiết bị, công trình y tế và các sản phẩm, hàng hóa khác theo danh mục sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế.

Điều 8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

1. Giống cây trồng nông nghiệp; giống cây trồng lâm nghiệp; giống vật nuôi; giống thủy sản.

2. Phân bón; thuốc bảo vệ thực vật; thuốc thú y; thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

3. Hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng để xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

4. Các loại vật tư khác dùng trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp.

5. Máy thiết bị dùng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; thiết bị, dụng cụ đánh bắt thủy sản; máy móc, thiết bị, vật tư, chất có

yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. An toàn thực phẩm đối với ngũ cốc; thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; trứng và các sản phẩm từ trứng; sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong; thực phẩm biến đổi gen; muối; gia vị; đường; chè; cà phê; ca cao; hạt tiêu; điều; các nông sản khác; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Dịch vụ, quá trình sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thủy sản; quá trình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp; quá trình thu hoạch, giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm có nguồn gốc động vật, thực vật và thủy sản.

8. Công trình thủy lợi, đê điều.

9. Dịch vụ, quá trình sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 9. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

1. Các loại phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải (*trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá*) và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải.

2. Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3. Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt đô thị, đường thủy nội địa.

4. Dịch vụ trong lĩnh vực giao thông, vận tải.

Điều 10. Sở Xây dựng có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

1. Công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nhà ở, công sở, nghĩa trang (*trừ nghĩa trang liệt sỹ*).

2. Vật liệu xây dựng.

3. Kiến trúc, quy hoạch xây dựng bao gồm: Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

4. Hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

5. Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Xây dựng theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng.

Điều 11. Sở Công Thương có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

1. Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp.

2. Sản phẩm cơ khí, luyện kim, điện, năng lượng; sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác theo quy định của pháp luật; thiết bị điện, điện tử dùng trong công nghiệp.

3. Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

4. An toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với các loại rượu, bia, thuốc lá điếu, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo và bao bì chứa đựng các loại thực phẩm này.

5. Thương mại điện tử.

Điều 12. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

1. Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Các sản phẩm đặc thù về an toàn lao động theo quy định của pháp luật.

3. Các công trình vui chơi công cộng; nghĩa trang liệt sỹ.

4. Dịch vụ trong lĩnh vực lao động, thương binh, xã hội theo danh mục sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 13. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

1. Sản phẩm báo chí; xuất bản, in, phát hành; thông tin cơ sở.

2. Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan kiểm soát sản phẩm quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

3. Mạng lưới, công trình, thiết bị, sản phẩm bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, phát thanh, truyền hình; an toàn thông tin.

4. Tần số vô tuyến điện, đài vô tuyến điện, thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện.

5. Dịch vụ trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông.

Điều 14. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

1. Đất đai.

2. Tài nguyên nước.

3. Tài nguyên khoáng sản.

4. Môi trường.

5. Khí tượng thủy văn.

6. Biến đổi khí hậu.

7. Đo đạc, bản đồ.

8. Viễn thám.

9. Dịch vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Điều 15. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

1. Sách giáo khoa, giáo trình, sách tham khảo và tài liệu hướng dẫn giáo viên.

2. Thiết bị dạy học, cơ sở vật chất, đồ chơi cho trẻ em trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật.

3. Dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 16. Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

Hoạt động kinh doanh xổ số, kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế, thẩm định giá và các sản phẩm hàng hóa khác theo danh mục sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 17. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

Công trình thể thao; trang thiết bị luyện tập, thi đấu của các cơ sở thể dục thể thao và của các môn thể thao; quảng cáo theo quy định của pháp luật và các sản phẩm, hàng hóa khác theo danh mục sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 18. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực

1. Vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn, chất phóng xạ, thiết bị bức xạ; phương tiện, dụng cụ, trang thiết bị đo lường; xăng, nhiên liệu điêzen, nhiên liệu sinh học; dầu nhờn động cơ; khí (*khí dầu mỏ hóa lỏng - LPG, khí thiên nhiên hóa lỏng - LNG, khí thiên nhiên nén - CNG*); thiết bị điện, điện tử; đồ chơi trẻ em; mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy; thép; vàng trang sức, mỹ nghệ.

2. Khi có các sản phẩm, hàng hóa mới phát sinh hoặc sản phẩm, hàng hóa khác không thuộc sự quản lý của Sở quản lý chuyên ngành nêu trên và các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bí mật quốc gia thì Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan để thống nhất trách nhiệm quản lý; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh.

Chương III

QUAN HỆ PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Điều 19. Nguyên tắc phối hợp

1. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định cho mỗi cơ quan, mỗi ngành, đảm bảo đúng nguyên tắc, quy trình nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật của mỗi cơ quan. Kết thúc từng đợt thanh tra, kiểm tra, cơ quan chủ trì phải thông báo bằng văn bản về kết quả thanh tra, kiểm tra cho cơ quan phối hợp.

2. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì cơ quan chủ trì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến chỉ đạo, giải quyết.

3. Việc xác định cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Theo đối tượng sản phẩm, hàng hoá được phân công quản lý, các Sở quản lý chuyên ngành là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh. Các sở, ngành khác có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan phối hợp khi có yêu cầu;

b) Theo địa bàn quản lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng sản phẩm, hàng hoá lưu thông trên địa bàn huyện. Các Sở quản lý

chuyên ngành khác có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan phối hợp khi có yêu cầu.

4. Đảm bảo không chồng chéo trong hoạt động quản lý, thanh tra, kiểm tra và không gây phiền hà cho cơ sở sản xuất, kinh doanh. Trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cấp huyện trùng lặp với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của Sở quản lý chuyên ngành thì thực hiện theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý chuyên ngành;

b) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các Sở quản lý chuyên ngành trùng lặp về địa bàn thì các bên trao đổi, thống nhất đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành.

Điều 20. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi thông tin bằng văn bản và các phương tiện thông tin liên lạc.

2. Tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo để bàn bạc, thống nhất kế hoạch phối hợp thực hiện.

3. Cử cán bộ tham gia các hoạt động kiểm tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4. Thông báo chuyển hồ sơ cho cơ quan liên quan để xử lý các vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

5. Phối hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành trong các trường hợp sau:

a) Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

b) Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các Sở quản lý chuyên ngành.

Điều 21. Nội dung phối hợp

1. Trong công tác tham mưu xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy hoạch, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá, cơ quan được giao chủ trì phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn yêu cầu.

2. Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của nhà nước, của tỉnh về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Phối hợp tổ chức thực hiện các đề tài, dự án, chương trình nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá của tỉnh.

4. Cung cấp, chia sẻ thông tin về các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của các Sở quản lý chuyên ngành và các nội dung

khác có liên quan tới chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong ngành với các bên liên quan.

5. Liên kết hoạt động giữa các phòng thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá và việc đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

6. Tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra liên ngành về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo chương trình, kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hoá và kiểm tra việc thực hiện Quy định này;

c) Làm đầu mối tổng hợp, thống kê, báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh (*báo cáo định kỳ*), *6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất*) theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Chủ trì tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá cho các Sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường đối với các sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng được phân công quản lý tại Quy định này. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành đối với các sản phẩm, hàng hoá khác theo yêu cầu của công tác quản lý;

e) Chủ trì hoặc phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

g) Là cơ quan thường trực của Hội đồng sơ tuyển Giải thưởng chất lượng quốc gia của tỉnh; có trách nhiệm tổ chức đánh giá, đề xuất các hình

thức khen thưởng cấp quốc gia, cấp tỉnh đối với các tổ chức, cá nhân có những thành tích xuất sắc về hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở quản lý chuyên ngành:

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng quản lý được phân công tại Quy định này;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo chuyên ngành;

c) Phân công nhiệm vụ cho một đơn vị thuộc quyền quản lý làm đầu mối trong việc phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý;

d) Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng quản lý theo Quy định này;

đ) Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, sản phẩm, hàng hoá theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

e) Trước ngày 15 tháng 7 hằng năm phải xây dựng kế hoạch hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá; kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu và lưu thông trên thị trường thuộc đối tượng quản lý của mình cho năm sau gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Định kỳ 6 tháng, một năm hoặc đột xuất (*theo yêu cầu*) gửi báo cáo kết quả hoạt động quản lý, kết quả kiểm tra chất lượng, sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu và lưu thông trên thị trường thuộc đối tượng quản lý của mình (*thời gian báo cáo 6 tháng trước 15/6, báo cáo năm trước 15/12*) về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng, công an các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, hỗ trợ các Sở quản lý chuyên ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan chức năng của tỉnh trong kiểm tra, xử lý những vụ việc về buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng cấm theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan những phát hiện về sơ hở, thiếu sót, những điểm chưa phù hợp trong quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4. Cục Quản lý thị trường tỉnh Yên Bái phối hợp với cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá thuộc các Sở quản lý chuyên ngành triển khai công tác quản lý thị trường trên địa bàn, tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc

thực hiện các quy định của pháp luật về kinh doanh, lưu thông hàng hoá, đấu tranh phòng, chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại.

5. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở quản lý chuyên ngành trong công tác kiểm tra, phổ biến, tuyên truyền hướng dẫn các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thực hiện quy định này và các quy định khác của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh phối hợp chặt chẽ với các Sở quản lý chuyên ngành, chính quyền các cấp tăng cường vận động hội viên thực hiện các nội dung của Quy định này và tham gia tích cực vào các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá lưu thông trên thị trường; xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo thẩm quyền;

c) Định kỳ hằng năm theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình chất lượng sản phẩm, hàng hoá lưu thông trên thị trường tại địa phương gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng sản phẩm, hàng hoá lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

b) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và xử lý vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hoá sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

c) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, thanh tra về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi, các Sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức cá nhân có liên quan báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi có văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên điều chỉnh về lĩnh vực này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy



